UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1210 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Cấp nước sinh hoạt xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ quy định về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 274/BC-STC ngày 02/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Cấp nước sinh hoạt xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lạng Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng.

4. Thời gian khởi công: tháng 12/2018; thời gian hoàn thành: tháng 11/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		**13.337.877.000**	**12.201.991.000**
1	Xây dựng:	9.960.432.000	9.241.359.000
2	Thiết bị:	1.004.702.000	989.494.000
3	Quản lý dự án:	224.052.000	177.036.000
4	Tư vấn:	1.329.652.000	1.321.103.000
5	Chi phí khác:	515.502.000	472.999.000
6	Chi phí dự phòng:	303.537.000	0

2. Vốn đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	13.337.877.000	12.201.991.000	12.111.808.000	253.079.000	162.896.000
1	Vốn đầu tư công:	13.337.877.000	12.201.991.000	12.111.808.000	253.079.000	162.896.000
-	NSTW (Chương trình mở rộng quy mô VS& NSNT dựa trên kết quả vay vốn NH thế giới (WB)):		10.981.791.900	10.900.627.200	227.771.100	146.606.400
-	Vốn đối ứng NS tỉnh:		1.220.199.100	1.211.180.800	25.307.900	16.289.600
2	Vốn khác:	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5

Tổng số:			**12.201.991.000**	
1.Tài sản dài hạn (TSCĐ)			12.201.991.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư.

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Số TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số		**12.201.991.000**	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	12.201.991.000	
-	Vốn NSTW (Chương trình mở rộng quy mô VS&NSNT dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới (WB)):	10.981.791.900	
-	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh:	1.220.199.100	
2	Nguồn vốn khác:	0	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 162.896.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 253.079.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

c) Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

a) Được phép ghi tăng tài sản *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
	Tổng tài sản tiếp nhận:	**12.201.991.000**	0
	Trong đó:		
-	UBND xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng *(Hạng mục cấp nước sinh hoạt)*	*11.675.709.000*	
-	Công ty Điện lực Lạng Sơn *(Hạng mục trạm biến áp)*	*526.282.000*	

b) Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính: hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc bàn giao, quản lý tài sản, hạch toán theo dõi sổ sách kế toán theo quy định và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về sự đầy đủ, đúng đắn, chính xác của hồ sơ, số liệu, nội dung đề xuất, trình phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hữu Lũng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh